**TRƯỜNG MẦM NON CÁT ĐẰNG**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 11/2024**

**LỚP 3-4 TUỔI**

**Năm học: 2024 -2025**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** | **HÌNH THỨC** |
| **SINH HOẠT** | **GIỜ HỌC** | **CHỦ ĐỀ** |
| **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** |
| - Trẻ biết kiểm soát được vận động khi thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản  | + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm) không chệch ra ngoài.  |  | 1 Giờ học |  |
| - Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động | + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) |  | 1 Giờ học  |  |
| - Trẻ biết thể hiện sức nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. | + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) |  | 1 Giờ học |  |
| - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.  | - Chấp nhận đội mũ khi trời nắng, mặc áo ấm, đi giày dép...- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)- Thực hiện một số việc đơn giản: rửa tay, lau mặt, súc miệng.- Đi vệ sinh đúng nơi qui định. | -Sinh hoạt chiều, hoạt động ngoài trời-Chơi góc, hoạt động ngoài trời-Giờ ăn-Giờ vệ sinh |  |  |
| Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. | - Dạy trẻ rửa tay- Dạy trẻ gấp quần áo- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.  | -Giờ ăn |  | XX  |
| **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |
| 1.2 Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.  | Trẻ biết tên gọi, một số đặc điểm lợi ích, cách chăm sóc, bảo quản, sử dụng quả của một số loại quả quen thuộc |  | Giờ học | 1 chủ đề |
| 1.6 Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản | Nhận biết một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được | Sinh hoạt  |  |  |
| 1.8 Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi,  | Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi đóng vai (bắt chước hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn củ mẹ, bác sĩ khám bệnh...) | Giờ Chơi góc |  |  |
|  |  |  |  |  |
| 2.1 Trẻ nhận biết số đếm, số lượng  | So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2Đếm số lượng 2 |  | 1 Giờ học |  |
| 2.2 Trẻ biết sắp xếp theo qui tắc  | Xếp xen kẽXếp tương ứng 1-1 |  | 1 Giờ học |  |
| 2.4 Trẻ nhận biết hình dạng  | Ghép hình |  | 1 Giờ học |  |
| 2.5 Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian  | Nhận biết phía trên - phía dưới của bản thân |  | 1 Giờ học |  |
| 3.2 Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. | Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến  + Cô giáo của em | Sinh hoạt  | Giờ học | 1 chủ đề |
| **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** |
| 1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản  | Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản, ví như con hãy lấy dép để lê kệ , lấy cặp sách , cất cặp sách .. | giờ sinh hoạt |  |  |
| 1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | Nghe hiểu nội dung truyện kể: + Nhổ củ cải" + " Lợn con đã sạch lắm rồi" + "Mèo con và quyển sách", + Quả táo của ai |  | 4 Giờ học |  |
| 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...  |  | Sinh hoạt |  |  |
| 2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.  | Trả lời câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?", "Ở đâu?", "Khi nào?".  | Sinh hoạt |  |  |
| 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...  | Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè :+ Đi cầu đi quán+ Vè trái cây+ Cô. dạy+Thỏ bông bị ốm+ Bài hát cô và mẹ….. | Sinh hoạt |  |  |
| 2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,… trong giao tiếp. |  | Sinh hoạt |  |  |
| 2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.  |  | Sinh hoạt |  |  |
| 3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoac.  |  | Giờ chơi góc |  |  |
| **PHÁT TRIỂN TCKN - XH** |
| 2.1 Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | + Mạnh dạn tự tin trong các hoạt động |  | giờ học |  |
| 2.2 Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao. | Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...) | Chơi góc |  |  |
| 4.1 Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình | Thực hiện được 1 số quy định ở lớp: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ  . | Chơi góc |  |  |
| 4.2 Trẻ biết chờ đến lượt, chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. | Trẻ biết nói cảm ơn, khi được nhắc nhở. + Bé nói lời cảm ơn | Sinh hoạt |  |  |
| 4.3 Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. |  |  |  |  |
| 4.5 Trẻ thể hiện tình cảm thầy cô giáo... | Trẻ thể hiện tình cảm với bạn bè, thầy cô  + Biết ơn thầy cô | Sinh hoạt |  |  |
| 4.6 Trẻ nhận biết được hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu" | + Nhận biết hành vi" đúng- sai" |  | 1Giờ học |  |
| 5.1 Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | Kỹ năng chăm sóc cây |  Hoạt động ngoài trời | 1 Giờ học |  |
| **PHÁT TRIỂN THẪM MĨ** |  |  |
| 2.1 Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. |  -Nghe hát " Cô giáo em", - Vận động vỗ tay theo phách " "Một con vịt - Dạy hát " |  | 3 Giờ học |  |
| 2.2 Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc | Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. + Vận động vỗ tay theo phách " "Một con vịt | Giờ chơi góc |  |  |
| 2.3 Trẻ biết sử dụng một số loại nhạc cụ | Làm quen trống |  | Giờ học |  |
| 2.4 Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | Dán các hình hình học |  | Giờ học |  |
| 2.5 Trẻ sử dụng một số kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. | + Vẽ nét tròn  + Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm+In hình làm thiệp |  | 3 Giờ học |  |
|  |  |  |  |  |